

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/ HNGĐ- ST
Ngày: 08-4-2021
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mùi

2. Ông Đặng Xuân Hợp

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn B, xã L, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị C, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường C, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn anh Đỗ Văn S và chị Đỗ Thị C trình bày:

Anh S và chị C về chung sống với nhau từ khoảng tháng 6 năm 1995, khi đó anh S 20 tuổi, chị C 18 tuổi, đều làm ruộng. Anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đến chính quyền địa phương để

đăng ký kết hôn. Nguyên nhân là do nhận thức của anh chị hạn chế, anh chị cho rằng về chung sống với nhau là được, không cần đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh S. Thời gian đầu, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng năm 2010, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do con cái còn nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát lẫn nhau. Theo anh S trình bày chị C coi thường anh không làm ra kinh tế, còn chị C cho rằng do khó khăn túng quẫn, anh S đuổi đánh chị đi. Chị đã quyết định bỏ về nhà ngoại sinh sống từ năm 2010, mỗi lần về thăm con thì anh S lại đánh, chửi và từ đó anh S cũng không tìm đón chị về nữa. Anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh S và chị C có hai con chung là Đỗ Thị T, sinh ngày 15/3/1996 và Đỗ Thị L, sinh ngày 14/4/1998. Hiện hai cháu đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường. Cháu T đã có gia đình riêng. Khi ly hôn, anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Anh S và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Qua xác minh với cán bộ tư pháp phường C, cán bộ tư pháp xã L, phòng T-UBND thành phố C xác nhận: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu giữ từ năm 1995 trở lại đây không có tên đăng ký kết hôn là Đỗ Văn S và Đỗ Thị C trong sổ đăng ký kết hôn nên xác định anh S và chị C chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại phiên tòa:

Anh S và chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Đỗ Văn S và chị Đỗ Thị C là vợ chồng; về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về

quan hệ tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Anh S phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đỗ Văn S khởi kiện xin ly hôn đối với chị Đỗ Thị C có địa chỉ cư trú tại khu dân cư T, phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Đỗ Thị C là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ có đơn xin xử vắng mặt, anh S vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S và chị C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn S và chị Đỗ Thị C chung sống với nhau từ đầu năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Anh chị không đến chính quyền địa phương để đăng ký kết hôn vì do nhận thức pháp luật của anh chị hạn chế, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh S và chị C là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau thời gian dài anh chị chung sống hoà thuận, có con chung. Kể từ năm 2010, anh chị xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay anh S có yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng là phù hợp

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có hai con chung là Đỗ Thị T, sinh ngày 15/3/1996 và Đỗ Thị L, sinh ngày 14/4/1998, hiện đều đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, khi anh chị ly hôn tùy các cháu muốn ở với ai thì ở nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Anh S và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Anh S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Đỗ Văn S và chị Đỗ Thị C là vợ chồng.

- Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết

- Về án phí: Anh Đỗ Văn S phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006810 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch) ;
- UBND phường C, thành phố C(để ghi vào sổ hộ tịch;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương